Người ký: Sở Xây dựng
Email: sxd@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 13.12.2016 15:07:30 +07:00

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 1409/SXD-QLQH
V/v triển khai Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 12 tháng 12 năm 2016

Kính gửi:
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 28/11/2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Xây dựng hướng dẫn triển khai, làm rõ một số nội dung của Quyết định 49/2016/QĐ-UBND như sau:

1. Khi xem xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp, ngoài các yêu cầu quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ, Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng, Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai, cần chú ý xem xét sự phù hợp của bản vẽ thiết kế công trình với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị tại địa phương đã được phê duyệt và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn ngành liên quan đến công năng của công trình, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về an toàn công trình, an toàn sử dụng, đậu, đỗ xe không ảnh hưởng đến giao thông chung của đô thị và khu vực xung quanh.

2. Tổ chức kiểm tra việc xây dựng theo giấy phép xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ.

3. Xác định cấp công trình:

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng (Phụ lục số 1, 2, 3).

4. Danh mục các tuyến trục đường phố chính trong đô thị thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Sở Xây dựng (đã thống nhất với 04 đô thị gồm Pleiku, An Khê, AyunPa, Chư Sê tại Công văn số 381/SXD-QLQH ngày 28/4/2016 của Sở Xây dựng) theo Phụ lục đính kèm văn bản này.

5. Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND, ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh Gia Lai có thể tải về từ trang web của Sở Xây dựng tại địa chỉ *sxd.gialai.gov.vn.* Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Pleiku tổ chức công bố, công khai

Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh và danh mục các tuyến trục đường phố chính trong đô thị thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Sở Xây dựng tại địa phương theo quy định.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung trên. Quá trình triển khai nếu có vướng mắc có thể liên hệ và phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc phối hợp giải quyết, trình cấp có thẩm quyền xin ý kiến./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Lưu: VT, QLQH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH GIA LAI

Trịnh Văn Sang

SỞ XÂY DỰNG

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC TUYẾN, TRỤC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI DO SỞ XÂY DỰNG QUẢN LÝ, CẤP PHÉP XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo văn bản số: 1409/SXD-QLQH ngày 12 / 12 / 2016 của Sở Xây dựng Gia Lai)

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	CHIỀU DÀI (m)	LỘ GIỚI (m)
I	**Thành phố Pleiku**			**74.861**	
1	Cách mạng Tháng Tám	Phạm Văn Đồng	Tôn Thất Tùng	**2.470**	30
2	Đinh Tiên Hoàng			**1.250**	
		Hùng Vương	Trần Phú	300	22,5
		Trần Phú	Hai Bà Trưng	250	29
		Hai Bà Trưng	Phan Đình Phùng	200	22
		Phan Đình Phùng	Trần Quý Cáp	500	16
2	Hai Bà Trưng			**2.014**	
		Quang Trung	Hoàng Văn Thụ	634	34
		Hoàng Văn Thụ	Đinh Tiên Hoàng	230	40
		Đinh Tiên Hoàng	Lý Thái Tổ	300	40
		Lý Thái Tổ	Rừng Thông	850	22
3	Hoàng Văn Thụ			**1.150**	
		Trần Quý Cáp	Yên Đỗ	150	20
		Yên Đỗ	Nguyễn Thiện Thuật	350	22,5
		Nguyễn Thiện Thuật	Trần Phú	100	26
		Trần Phú	Wừu	550	22,5
4	Hùng Vương			**2.535**	
		Lý Thái Tổ	Lê Lai	810	30
		Lê Lai	Trần Hưng Đạo	205	34
		Trần Hưng Đạo	Ngã 3 Diệp Kính	540	26
		Ngã 3 Diệp Kính	Cầu Hội Phú	380	28
		Cầu Hội Phú	Ngã 3 Phù Đổng	600	30-38
5	Lê Duẩn (QL 19)	Ngã 3 Phù Đổng	Ranh giới xã An Phú	**10.000**	50
6	Lê Đại Hành	Ngã 3 Vạn Kiếp – Lý Thái Tổ	Ngã 4 biển Hồ	**3.600**	30
7	Lê Hồng Phong			**527**	
		Hoàng Văn Thụ	Đinh Tiên Hoàng	247	30
		Đinh Tiên Hoàng	Lý Thái Tổ	280	22,5
8	Lê Lai			**380**	
		Hùng Vương	Trần Phú	140	34
		Trần Phú	Nguyễn Thiện Thuật	130	22,5
		Nguyễn Thiện Thuật	Hai Bà Trưng	110	25
9	Lê Lợi	Ngã 3 Diệp Kính	Ngã 3 Hoa Lư	**1.210**	25
10	Lê Thánh Tôn	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	**4.550**	30
11	Lý Nam Đế	Lê Duẩn	Nguyễn Chí Thanh	**2.000**	30
12	Lý Thái Tổ	Hùng Vương	Vạn Kiếp	**3.000**	30
13	Nguyễn Tất Thành	Ngã 4 Phù Đổng	Ngã 3 Hoa Lư	**2.000**	35

14	Nguyễn Văn Cừ	Lý Thái Tổ	Nghĩa trang TP	**3.118**	35
15	Nguyễn Văn Trỗi	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	**290**	*20*
16	Phạm Văn Đồng			**9.000**	
		Ngã 3 Hoa Lư	Ngã 4 Biển Hồ	5.000	35
		Ngã 4 Biển Hồ	Cầu số 10	4.000	50
17	Phan Đình Phùng			**2.640**	
		Phạm Văn Đồng	Lý Thái Tổ	1.740	27
		Lý Thái Tổ	Rừng Thông	900	30
18	Quang Trung			**700**	
		Hai Bà Trưng	Lê Lợi	600	22,5
		Lê Lợi	Hùng Vương	100	16
19	Tăng Bạt Hổ			**1.250**	
		Hoàng Văn Thụ	Lý Thái Tổ	520	30
		Lý Thái Tổ	Cuối đường	730	16
20	Thống Nhất	Hùng Vương	Cuối đường	850	16
21	Trần Hưng Đạo			**1.130**	
		Hùng Vương	Quang Trung	320	25
		Quang Trung	Ngã 3 Hoa Lư	810	30
22	Trần Phú			**1.911**	
		Lý Thái Tổ	Rừng Thông	911	22
		Lý Thái Tổ	Đinh Tiên Hoàng	300	34
		Đinh Tiên Hoàng	Bến xe nội tỉnh	350	38
		Lê Lai	Trần Hưng Đạo	350	23
23	Trường Chinh (QL 14)	Ngã 3 Phù Đổng	Km 184 – QL 19	**16.000**	50
24	Wừu	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Thái Học	**1.286**	22
II	**Thị xã An Khê**			**14.000**	
1	Quang Trung (QL 19)	Lê Thị Hồng Gấm	Hết phường Ngô Mây	7.000	30-50
2	Hoàng Văn Thụ (Tỉnh lộ 667)	Quang Trung	Hết thị xã	1.000	27
3	Đường đi K'Bang (Tỉnh lộ 667)	Ngã 5 Ngô Mây	Cầu An Bình (cầu suối Gấm)	6.000	30
III	**Thị xã AyunPa**			**9.100**	
1	Trần Hưng Đạo – Hai Bà Trưng (QL 25)				
-	Trần Hưng Đạo	Cầu Ia Hiao	Hai Bà Trưng	5.000	30
-	Hai Bà Trưng	Trần Hưng Đạo	Cầu Sông Bờ	1.200	30
2	Lê Lợi - Phạm Hồng Thái (Tỉnh lộ 668)	Km 00 (Trần Hưng Đạo)	Km 2+100 (Giáp xã Chư Bawh)	2.100	25
3	Hàm Nghi (Tỉnh lộ 662)	Trần Hưng Đạo	Cầu Quý Đức	800	30
IV	**Huyện Chư Sê**			**10.034**	
1	Đường 17-3 (QL 25)	Km 180+810 (Ngã 3 Cheo reo)	Km 178+920 (Giáp xã Dun và Ia Pal)	1.890	39-45
2	Đường Hùng Vương (QL 14)	Km 1628+190 (Giáp xã Ia Glai)	Km 1636+46 (Giáp xã Ia Blang và Ia Pal)	8.144	39-45